

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày: 13 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Thạch Rich.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Ngọc B, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà xx, ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Đồng Minh H, sinh năm 1976; bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà xx, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B trình bày:

Vào ngày 09-5-2017 (âm lịch) nhằm ngày 03-6-2017 (dương lịch), bà B cho vợ chồng ông H, bà H vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, mỗi tháng đóng lãi số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ông H, bà H đóng lãi cho bà B 05 tháng (từ ngày 09-5-2017 đến ngày 09-9-2017) với

số tiền 50.000.000 đồng. Từ ngày 10-9-2017 đến nay, ông H, bà H không đóng lãi, không trả vốn vay cho bà B.

Ngày 18-6-2017 (âm lịch) nhằm ngày 09-8-2017 (dương lịch), vợ chồng ông H, bà H có nhờ em ruột của ông Hiền là bà Đồng Thị Cẩm H1 đến vay của bà B số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng. Sau khi vay tiền, ông H, bà H không đóng lãi, không trả vốn vay cho bà B.

Ngoài ra, vợ chồng ông H, bà H có tham gia 01 chân hụi tháng 5.000.000 đồng do bà B làm chủ hụi. Dây hụi gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần. Vợ chồng ông H, bà H hốt hụi đầu vào ngày 12-11-2017 (âm lịch) với số tiền 100.100.000 đồng, ra lời 1.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông H, bà H đóng hụi chết được 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ bà B số tiền 120.000.000 đồng.

Ông H, bà H không trả vay, không đóng lãi, không trả số tiền hụi còn nợ nên bà B khởi kiện yêu cầu giải quyết, cụ thể: Buộc vợ chồng ông H, bà H phải liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng, tiền lãi đối với số tiền vay 500.000.000 đồng tạm tính từ ngày 09-09-2017 đến ngày 09-8-2022 là 59 tháng, mức lãi suất 1,5% tháng, với số tiền 442.000.000 đồng; trả số tiền vay 37.000.000 đồng, tiền lãi đối với số tiền vay 37.000.000 đồng tạm tính từ ngày 18-6-2017 đến ngày 18-7-2022 là 61 tháng, mức lãi suất 1,5%/tháng, với số tiền 33.855.000 đồng; trả số tiền hụi còn nợ 120.000.000 đồng. Tổng cộng ông H, bà H phải trả cho bà B số tiền 1.133.355.000 đồng. Bà B đồng ý khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng mà ông H, bà H đã tự nguyện thi hành án mà bà B đã nhận. Sau khi khấu trừ ông H, bà H phải trả một lần cho bà B số tiền 1.117.355.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Yêu cầu ông H, bà H phải liên đới trả số tiền vay 500.000.000 đồng. Bà B đồng ý khấu trừ số tiền lãi vợ chồng ông H, bà H đã đóng vượt mức lãi suất quy định 20%/năm, từ ngày 09-5-2017 đến ngày 09-9-2017, với số tiền 10.000.000 đồng vào số tiền vay. Sau khi khấu trừ, ông H, bà H phải trả cho bà B số tiền vay 490.000.000 đồng. Đồng thời, bà B yêu cầu ông H, bà H trả lãi đối với số tiền vay 490.000.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), từ ngày 03-11-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12-9-2022) là 58 tháng 09 ngày với số tiền 428.700.000 đồng. Tổng cộng vốn vay, tiền lãi ông H, bà H phải trả cho bà B số tiền 918.700.000 đồng.

Yêu cầu ông H, bà H phải liên đới trả số tiền vay 37.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay 37.000.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), từ ngày 09-8-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12-9-2022) là 61 tháng 03 ngày với số tiền 33.910.000 đồng. Tổng cộng vốn vay, tiền lãi ông H, bà H phải trả cho bà B số tiền 70.910.000 đồng.

Yêu cầu ông H, bà H liên đới trả cho bà B số tiền hụi còn nợ 120.000.000 đồng.

Tổng cộng ông H, bà H phải trả cho bà B vốn vay, tiền lãi và tiền hụi số tiền 1.109.610.000 đồng. Bà B đồng ý khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng ông H, bà H đã tự nguyện thi hành án mà bà B đã nhận. Sau khi khấu trừ, ông H, bà H phải trả một lần cho bà B số tiền 1.093.610.000 đồng.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đồng Minh H trình bày:

Ông Hiền thừa nhận có vay tiền và chơi hụi do bà B làm chủ hụi, cụ thể:

Khoản vay 500.000.000 đồng, ông Hiền thừa nhận có vay tiền của bà B nhưng không nhận 01 lần mà nhận tiền vay nhiều lần, vốn vay gốc chỉ có 300.000.000 đồng, ông Hiền đóng lãi từ năm 2013 đến năm 2016 với mức lãi suất 02%/tháng và 03%/tháng, số tiền đóng lãi bao nhiêu ông không nhớ. Sau đó, ông xin bà B giảm lãi, chốt lại vợ chồng ông làm biên nhận còn nợ bà B số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 10.000.000 đồng, vợ chồng ông đóng lãi được 05 tháng với số tiền 50.000.000 đồng thì không đóng lãi, không trả vốn vay cho bà B.

Khoản vay 37.000.000 đồng, ông Hiền thừa nhận có nhờ em ruột tên Đồng Thị Cẩm H1 vay của bà B, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 1.110.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà B thì bà Hương đã đưa lại số tiền 37.000.000 đồng cho vợ chồng ông nên bà Hương không còn liên quan đến khoản vay này. Sau khi nhận tiền vay của bà B thì vợ chồng ông không đóng lãi, không trả vốn vay cho bà B.

Ngoài ra, vợ chồng ông có tham gia chơi hụi do bà B làm chủ hụi, khai 01 lần, vợ chồng ông hót lần khai thứ hai với số tiền 100.100.000 đồng, ra lời 1.200.000 đồng. Vợ chồng ông đóng hụi chết được 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng với số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền hót hụi bà B không có giao tiền cho vợ chồng ông mà trừ vào khoản vay 01 cây vàng trước đây.

Ông Hiền đồng ý trả cho bà B số vốn vay, tiền lãi và tiền hụi còn nợ bà B số tiền tổng cộng 1.093.610.000 đồng. Hiện tại do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên đề nghị trả dần mỗi tháng số tiền 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà Hà thống nhất với trình bày của chồng bà là ông Hiền. Bà Hà đồng ý cùng ông Hiền trả cho bà B số tiền vốn vay, tiền lãi và tiền hụi tổng cộng 1.093.610.000 đồng. Hiện tại do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, cụ thể: Buộc ông H, bà H phải liên đới trả cho bà B số tiền vay, tiền lãi, tiền hụi tổng cộng 1.093.610.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đồng Minh H, bà Trần Thị Thu H liên đới trả số tiền vay, tiền lãi và tiền hụi. Bị đơn ông H, bà H cùng cư trú tại ấp Phước Thuận, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà H liên đới trả số tiền vay, tiền lãi, tiền hụi tổng cộng 1.093.610.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, thay đổi yêu cầu khởi kiện này do bà B tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Theo hồ sơ vụ án, vào ngày 09-5-2017 (âm lịch) nhằm ngày 03-6-2017 (dương lịch) bà B cho vợ chồng ông H, bà H vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, ông H, bà H đóng lãi cho bà B 05 tháng với số tiền 50.000.000 đồng thì không đóng lãi, không trả vốn vay cho bà B; vào ngày 18-6-2017 (âm lịch) nhằm ngày 09-8-2017 (dương lịch) vợ chồng ông H, bà H có nhờ em ruột của ông Hiền là bà Đồng Thị Cẩm H1 vay của bà B số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, ông H, bà H không trả lãi, không trả vốn vay cho bà B; ông H, bà H tham gia 01 chân hụi tháng 5.000.000 đồng do bà B làm chủ hụi, dây hụi gồm 28 phần, mỗi tháng khai 01 lần. Ông H, bà H hót hụi đầu vào ngày 12-11-2017 (âm lịch) với số tiền 100.100.000 đồng, ra lời 1.200.000 đồng. Ông H, bà H đóng hụi chết được 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ bà B số tiền hụi 120.000.000 đồng. Các tình tiết, sự kiện nêu trên đã được xác định trong Quyết định giám đốc thẩm số: 109/2022/DS-GĐT ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố

Hồ Chí Minh (viết tắt là Quyết định giám đốc thẩm) và Quyết định giám đốc thẩm này đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều thống nhất nội dung nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử các tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu vợ chồng ông H, bà H liên đới trả số tiền vay, tiền lãi của khoản vay ngày 09-5-2017 (âm lịch) nhằm ngày 03-6-2017 (dương lịch) số tiền 918.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B cung cấp được bản chính Biên nhận ngày 09-5-2017 âm lịch, nội dung ông H, bà H có vay của bà B số tiền 500.000.000 đồng và ông H, bà H thừa nhận có vay và đồng ý trả cho bà B số tiền 500.000.000 đồng.

[5] Bà B, ông H, bà H thống nhất số tiền vay 500.000.000 đồng thì ông H, bà H đã đóng lãi cho bà B được 05 tháng, lãi suất 02%/tháng với số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông H, bà H đã đóng 05 tháng (từ ngày 09-5-2017 đến ngày 09-9-2017) vượt mức lãi suất quy định 20%/năm, tương đương số tiền 10.000.000 đồng. Việc khấu trừ này do bà B tự nguyện, số tiền bà B đồng ý khấu trừ 10.000.000 đồng nhiều hơn số tiền lãi ông H, bà H đã đóng vượt quy định (số tiền 8.333.333 đồng) là có lợi cho ông H, bà H nên được chấp nhận. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bà B xác định đúng thời gian tính lãi, mức lãi suất yêu cầu 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm) thấp hơn so với mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm (thấp hơn 02%/năm) là có lợi cho ông H, bà H. Đồng thời, ông H, bà H đồng ý trả cho bà B số tiền vay 490.000.000 đồng, tiền lãi 428.700.000 đồng, tổng cộng 918.700.000 đồng. Do đó, bà B yêu cầu vợ chồng ông H, bà H liên đới trả số tiền vay, tiền lãi tổng cộng 918.700.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu vợ chồng ông H, bà H liên đới trả cho bà B số tiền vay, tiền lãi của khoản vay ngày 09-5-2017 (âm lịch) nhằm ngày 03-6-2017 (dương lịch) số tiền 70.910.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B cung cấp được bản chính Biên nhận ngày 18-6-2017, nội dung bà Đồng Thị Cẩm H1 vay tiền của bà B cho ông H, bà H số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng và ông H, bà H thừa nhận có nhờ em ruột của ông Hiền là bà Hương vay của bà B số tiền 37.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà B số tiền vay 37.000.000 đồng. Ngoài ra, đối với yêu cầu tính lãi, bà B xác định đúng thời gian tính lãi, mức lãi suất yêu cầu 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm) thấp hơn so với mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm (thấp hơn 02%/năm) là có lợi cho ông H, bà H. Đồng thời, ông H, bà H đồng ý trả cho bà B số tiền vay 37.000.000 đồng, tiền lãi 33.910.000 đồng, tổng cộng 70.910.000 đồng. Do đó, bà B yêu cầu vợ chồng ông H, bà H liên đới trả số tiền vay, tiền lãi tổng cộng 70.910.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu vợ chồng ông H, bà H liên đới

trả cho bà B số tiền hụi 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H, bà H thừa nhận có tham gia chơi 01 chân hụi tháng 5.000.000 đồng do bà B làm chủ hụi, còn nợ bà B số tiền 120.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà B số tiền hụi còn nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của bà B là có căn cứ chấp nhận.

[8] Ngoài ra, ông H, bà H trình bày sau khi xét xử sơ thẩm ông H, bà H đã tự nguyện thi hành án 04 lần với số tiền 16.000.000 đồng. Bà B thừa nhận có nhận số tiền 16.000.000 đồng mà ông H, bà H tự nguyện thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành và đồng ý khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng vào số tiền ông H, bà H còn nợ. Đồng thời, tại Công văn số: 264/CCTHADS ngày 25-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thì ông H, bà H đã thi hành phần bồi hoàn được 16.000.000 đồng, phần án phí chưa thực hiện. Do đó, số tiền 16.000.000 đồng ông H, bà H đã tự nguyện thi hành án tại Chi cục thi hành án huyện Châu Thành được khấu trừ vào số tiền còn nợ.

[9] Ông H, bà H cho rằng khoản vay ngày 09-5-2017 (âm lịch) vốn vay gốc chỉ có 300.000.000 đồng và đã đóng lãi cho bà B từ năm 2013 đến năm 2016, mức lãi suất 02%/tháng và 03%/tháng nhưng không nhớ số tiền đóng lãi bao nhiêu, cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[10] Như đã nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc vợ chồng ông Hiền, bà H phải liên đới trả cho bà B số tiền vay, tiền lãi và tiền hụi tổng cộng 1.109.610.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng ông H, bà H đã tự nguyện thi hành án mà bà B đã nhận thì ông H, bà H phải trả cho bà B số tiền 1.093.610.000 đồng.

[11] Bà B yêu cầu ông H, bà H trả một lần số tiền vốn, tiền lãi, tiền hụi còn nợ nhưng ông H, bà H không đồng ý vì không có khả năng. Đồng thời, ông H, bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng số tiền 4.000.000 đồng nhưng bà B không đồng ý. Yêu cầu này của các đương sự sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận. Bà B thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc B, buộc ông Đồng Minh H, bà Trần Thị Thu H phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị Ngọc B số tiền vay, tiền lãi và tiền hụi tổng cộng 1.093.610.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn đồng), gồm:

- Tiền vay, tiền lãi của khoản vay ngày 09-5-2017 (âm lịch) nhằm ngày 03-6-2017 (dương lịch) số tiền 902.700.000 đồng (bằng chữ: Chín trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Tiền vay, tiền lãi của khoản vay ngày 18-6-2017 (âm lịch) nhằm ngày 09-8-2017 (dương lịch) số tiền 70.910.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi triệu chín trăm mười nghìn đồng).

- Tiền hụi còn nợ 120.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đồng Minh H, bà Trần Thị Thu H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 22.404.150 đồng (bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm chục đồng).

- Bà Đoàn Thị Ngọc B thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt